TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUY NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Bản án số: 22/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12-01-2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Phương Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Vân

Ông Nguyễn Đình Thọ

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hồ Thị Mỹ Trinh là Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên toà: Bà Tô Thị Bích Trâm - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn-tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1489/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 376/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Trương Kim A , sinh năm: 1960; nơi cư trú: Số 2B đường 31/3, phường Lê Lợi, TP. Quy Nhơn, Bình Định (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị S , sinh năm: 1960; nơi cư trú: Số 2B đường 31/3, phường Lê Lợi, TP. Quy Nhơn, Bình Định (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16 tháng 12 năm 2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trương Kim A trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị S chung sống với nhau từ năm 1983 trên cơ sở tự nguyện không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống ông bà thường phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cách sống, không tôn trọng lẫn nhau. Năm 1993 ông có nộp đơn xin ly hôn sau đó ông rút đơn về vợ chồng hàn gắn tình cảm đến nay tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được. Ông bà đã tự sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, phần ai nấy sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay ông xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên ông yêu cầu ly hôn bà S để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng ông bà có 02 con chung:

+ Trương Thuỳ L , sinh năm: 1985

+ Trương Thị Thảo L , sinh năm: 1991.

Hiện nay hai con chung đã trưởng thành nên ông không yêu cầu toà giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết. Ngoài ra ông không có yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị S trình bày:

Bà thống nhất về thời gian ông bà chung sống với nhau từ năm 1983, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống ông bà không hạnh phúc thường phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, lối sống. Nay ông A yêu cầu ly hôn thì bà đồng ý theo yêu cầu của ông A.

Về con chung: Vợ chồng ông bà có 02 con chung

+ Trương Thuỳ L, sinh năm: 1985

+ Trương Thị Thảo L, sinh năm: 1991.

Hiện nay hai con chung đã trưởng thành nên bà không yêu cầu toà giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết. Ngoài ra bà không có yêu cầu gì khác.

+ Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Quy Nhơn phát biểu việc tuân thủ pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo qui định của pháp luật tố tụng Dân sự. Đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ các điều 08, 09, 51, 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về thi hành Luật Hôn nhân gia đình và Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Bộ Tư pháp - TANDTC - VKSNDTC về hướng dẫn thi hành Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình: chấp nhận yêu cầu của ông Trương Kim A được ly hôn bà Nguyễn Thị S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình phát sinh giữa ông Trương Kim A và bà Nguyễn Thị S là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ

luật tố tụng dân sự; Bị đơn bà Nguyễn Thị S cư trú tại số nhà 2B đường 31/3, phường Lê Lợi, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định nên tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Trương Kim A và bà Nguyễn Thị S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt ông A , bà S quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Trương Kim A và bà Nguyễn Thị S sống chung với nhau từ năm 1983 không có đăng ký kết hôn. Theo quy định tại điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội thì *"Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03 tháng 1 năm 1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000"*. Như vậy, đối với những trường hợp nam nữ chung sống với nhau trước ngày 03/01/198, hiện họ chưa đăng ký kết hôn thì vẫn được pháp luật công nhận là vợ chồng (hôn nhân thực tế). Ông A và bà S không có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình nhưng xét về thời gian hai người chung sống với nhau trước năm 1987 nên là hôn nhân hợp pháp. Ông bà đã tự sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, phần ai nấy sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Xét thấy, hôn nhân giữa ông Trương Kim A và bà Nguyễn Thị S lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên giải quyết cho ông A được ly hôn với bà S là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Ông bà có 02 con chung

+ Trương Thuỳ L , sinh năm: 1985

+ Trương Thị Thảo L , sinh năm: 1991

Hiện nay hai con chung đã trưởng thành nên ông bà không yêu cầu toà giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án của Ban thường vụ Quốc Hội. Ông Trương Kim Anh được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội và Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Bộ Tư pháp - TANDTC - VKSNDTC về hướng dẫn thi hành Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ vào Điều 08, 09, 51, 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án của Ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Trương Kim A **.** Cho ông Trương Kim A được ly hôn bà Nguyễn Thị S .

2. Về quan hệ con chung: Ông Trương Kim A, bà Nguyễn Thị S có hai con chung là Trương Thuỳ L , sinh năm: 1985 và Trương Thị Thảo L , sinh ngày: 1991. Hiện các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

3. Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

4. Về án phí: Ông Trương Kim A được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với các đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo qui định của pháp luật.

6. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Bình Định;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Quy Nhơn;
- Chi cục THADS thành phố Quy Nhơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Cao Thị Phương Thảo

5